

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 07-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hợp; Ông Phan Tuấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019, đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 16/6/1994, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị P (đã chết); Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/8/2019, tạm giam ngày 12/8/2019. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Lưu Tùng N**, sinh ngày 04/8/1997, tại huyện T, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sửa điện lạnh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lưu Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Xa R, sinh năm 1978; Có vợ và 02 con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 1473 ngày 11/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công. Có mặt tại phiên tòa.

3/ **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 03/7/1996, tại huyện T, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại

theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 1777 ngày 11/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1/ Anh Đặng Thanh P, sinh năm 1998; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lưu Văn H, sinh năm 1975; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị Lưu Thị Kim C, sinh năm 1987; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Lê Văn A, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4/ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 13 H, khu phố B, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5/ Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1986; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/6/2019 và ngày 31/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn L và đồng phạm đã lần lượt thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô hai bánh trên địa bàn thị xã Gò Công, cụ thể như sau:

* Vụ thứ 01:

Vào khoảng 12 giờ ngày 07/6/2019, bị cáo L điện thoại cho bị cáo Nguyễn Đức T và nói: “Đi làm kiếm tiền xài với tao không?”, lúc này bị cáo T nghĩ là rủ đi tìm công việc làm thuê nên đồng ý đi cùng. Bị cáo L chuẩn bị 01 cây đoản để bẻ khóa xe, bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô loại Wave Trung Quốc, không bửng, không biển số, màu đỏ, chở bị cáo T đến thị xã Gò Công. Trên đường đi, bị cáo L nói rõ cho bị cáo T biết là đang đi tìm xe mô tô để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, bị cáo T suy nghĩ chưa chắc đi mà trộm được xe, đồng thời nếu có xe để lấy trộm thì bị cáo T để cho bị cáo L lấy chắc sẽ không bị vi phạm gì, nên bị cáo T đồng ý tiếp tục đi cùng bị cáo L tìm xe mô tô để trộm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, trong lúc chạy từ hướng Ao trường đua đến Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công, ngang qua cửa hàng bán vật liệu xây dựng Q thuộc khu phố B, Phường N, thị xã G, bị cáo L nhìn thấy một xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, mang biển kiểm soát 63B7-229.69 của anh Nguyễn Văn V đang đậu trước cửa hàng không người trông coi. Bị cáo L

điều khiển xe vòng lại và đậu cách vị trí xe của anh V khoảng 10 mét. Sau đó, bị cáo L kêu bị cáo T đứng đợi, còn bị cáo L đi lại vị trí xe mô tô của anh V giả vờ nghe điện thoại và quan sát xung quanh. Khi thấy điều kiện thuận lợi, bị cáo sử dụng cây đoản mang theo bẻ ổ khóa xe và khởi động máy chạy về tiệm sửa xe của bị cáo L ở xã P, huyện T cất giữ. Bị cáo T nhìn thấy bị cáo L lấy trộm được xe cũng điều khiển xe của bị cáo L chạy về huyện T. Trên đường chạy về, bị cáo L để cây đoản bẻ khóa ở giữa бага xe và bị rớt trên đường chạy về lúc nào không biết. Qua ngày hôm sau, bị cáo L chạy xe Sirius trộm được lên khu vực S thuộc thị xã D, tỉnh Bình Dương và liên hệ bán xe cho 01 người thanh niên tên Lâm (không rõ lai lịch) với giá 4.500.000 đồng. Bị cáo L chia cho bị cáo T số tiền 400.000 đồng, cả hai bị can tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Gò Công, thì 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đen – trắng, số khung C6KOFY197280, số máy 5C6K197280, biển số 63B7-229.69 có giá là 11.000.000 đồng.

*** Vụ thứ 02:**

Vào khoảng 13 giờ ngày 31/7/2019, bị cáo L gặp và rủ bị cáo Lưu Tùng N đi “kiếm tiền xài”, ý của bị cáo L là đi tìm tài sản để trộm cắp, bị cáo N hiểu ý của bị cáo L và đồng ý đi cùng. Để thực hiện hành vi, bị cáo N sử dụng xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Wave Alpha mang biển kiểm soát 63V9-1587 (đã mượn trước đó của chị Lưu Thị Kim C, để đi làm thuê) chở bị cáo L qua thị xã Gò Công chạy lòng vòng tìm tài sản để trộm. Khi chạy ngang quán Mì Cay W thuộc khu phố H, Phường N, thị xã G thì cả hai phát hiện xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xanh bạc, mang biển kiểm soát 63B6-250.13, của anh Đặng Thanh P đậu bên hông quán. Bị cáo L quan sát xung quanh thấy không có người nên kêu bị cáo N đậu xe lại cách vị trí xe của anh P khoảng 50 mét. Sau đó, bị cáo L đi bộ lại gần xe của anh P giả vờ nghe điện thoại và quan sát. Khi thấy xung quanh không có người, bị cáo L sử dụng cây đoản mang theo bẻ khóa xe rồi điều khiển chạy đi, bị cáo N nhìn thấy bị cáo L đã lấy trộm được xe nên cũng điều khiển xe chạy theo. Trên đường chạy về huyện T, bị cáo L vứt bỏ cây đoản nhưng không nhớ rõ vứt ở khu vực nào. Sau đó, bị cáo L đem xe trộm được về tiệm sửa xe của bị cáo L ở xã P, huyện T cất giữ. Đến khoảng 06 giờ sáng hôm sau, bị cáo L đem xe Sirius trộm được ra bến xe khách tại huyện T gửi xe khách H do ông Lê Văn A làm tài xế và ông Nguyễn Thành N làm phụ xe gửi lên bến xe L bán cho 01 người tên L (không rõ lai lịch) với giá 4.500.000 đồng. Hai ngày sau khi bán xe, bị cáo L chia cho bị cáo N 200.000 đồng, số tiền này bị cáo N tiêu xài cá nhân hết, riêng bị cáo L tiêu xài cá nhân còn lại 500.000 đồng đến thời điểm bị bắt giữ.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, số khung RRKWCHOUM5X, số máy VTTJL1P52FMHW007098, không có biển số.

- 01 cây đoản bằng kim loại dùng để bẻ ổ khóa xe mô tô (loại đoản chữ T).

- 01 xe mô tô hai bánh loại Wave mang biển kiểm soát 63V9-1587.
- Tiền Việt Nam: 500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Gò Công thì 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xanh bạc, số khung: 5C6H262526, số máy: C6HOGY262511, biển số: 63B1-250.13 có giá là 12.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSTXGC ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Tùng N và Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lưu Tùng N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo N và bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã trao trả cho chị Lưu Thị Kim C xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Wave Alpha, mang biển kiểm soát 63V9-1587 vào ngày 18/10/2019; Trao trả số tiền thu giữ của bị cáo L đã bán xe mô tô biển kiểm soát 63B6-250.13 còn lại là 500.000 đồng cho anh Đặng Thanh P, là đúng quy định.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, số khung RRRWCHOUM5X, số máy VTTJL1P52FMHW007098, không biển số.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản (loại chữ T) bằng kim loại dùng để bẻ ổ khóa xe mô tô.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Thanh P và anh Nguyễn Văn V đã nhận tiền bồi thường xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; Chị Lưu Thị Kim C và ông Lưu Văn H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị hại, nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án:

Bị cáo L: Bị cáo đã biết lỗi do mình gây ra, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ lo cho gia đình.

Bị cáo T: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 07/6/2019 bị cáo Nguyễn Văn L đã rủ bị cáo Nguyễn Đức T đi tìm tài sản người khác sơ hở để trộm và bị cáo T đồng ý. Khi đến trước cửa hàng vật liệu xây dựng Q thì bị cáo L phát hiện xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, mang biển kiểm soát 63B7-229.69, có giá trị là 11.000.000 đồng, của anh Nguyễn Văn V dựng trước cửa hàng không người trông coi, bị cáo L dùng cây đoản mang theo bẻ ổ khóa và khởi động xe chạy về tiệm sửa xe của bị cáo để cất giữ. Khi thấy bị cáo L đã lấy trộm xe, bị cáo T điều khiển xe của bị cáo L chạy về theo. Sau đó bị cáo L bán xe trộm được cho người

tên L (không rõ lai lịch) với số tiền 4.500.000 đồng và chia cho bị cáo T số tiền 400.000 đồng.

Ngày 31/7/2019, bị cáo L tiếp tục gặp và rủ bị cáo Lưu Tùng N đi tìm tài sản để trộm và bị cáo N đồng ý đi cùng. Khi đến trước quán mì cay Wãng, thì hai bị cáo phát hiện xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, mang biển kiểm soát 63B6-250.13, có giá trị là 12.000.000 đồng, của anh Đặng Thanh P dựng bên hông quán, không người trông coi, bị cáo L dùng cây đoản mang theo bẻ ổ khóa và khởi động xe chạy về tiệm sửa xe của bị cáo để cất giữ. Khi thấy bị cáo L lấy trộm xe, bị cáo N điều khiển xe của bị cáo L chạy về theo. Sau đó bị cáo L bán xe trộm được cho người tên L (không rõ lai lịch) với số tiền 4.500.000 đồng và chia cho bị cáo N số tiền 200.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo mặc dù cùng đi trộm cắp tài sản nhưng không có bàn bạc, phân công cụ thể nên từng bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi của mình đã gây ra.

Bị cáo N và bị cáo T là người chở bị cáo L đi trộm cắp tài sản. Bị cáo L là người trực tiếp dùng đoản bẻ khóa trộm xe và bán xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cho nên, bị cáo L đóng vai trò chính trong vụ án là người thực hành, bị cáo N và bị cáo T là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Tùng N và Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời hành vi này còn gây mất trật tự ở địa phương. Các bị cáo có đủ sức khỏe lao động để kiếm sống và tạo ra của cải vật chất cho bản thân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại chạy lười lao động, tham lam nên mới dẫn thân vào con đường tội phạm. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L thực hiện hành vi trộm xe mô tô hai lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N và bị cáo T phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Các bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho bị hại và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo N có người thân là ông cô là liệt sỹ và bà cố là bà mẹ Việt Nam anh Hùng. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, khi lượng hình.

[5] Xét thấy bị cáo N và bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự giáo dục, cải tạo nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ căn cứ để cho các bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 63V9-1587 do chị Nguyễn Thị Bích T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, chị T đã bán lại cho chị Lưu Thị Kim C nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ xe, sự việc bị cáo N sử dụng xe mô tô trên của chị C làm phương tiện chở bị cáo L đi trộm cắp tài sản, thì chị C hoàn toàn không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho chị C và số tiền 500.000 đồng cho anh P là đúng quy định pháp luật nên ghi nhận.

Đối với xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, số khung RRRKWCHOUM5X, số máy VTTJL1P52FMHW007098, không biển số. Qua tra cứu số máy, số khung tại Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Tiền Giang thì không tìm thấy thông tin chủ sở hữu nên xác định đây là xe bất hợp pháp và là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với công cụ bẻ khóa xe là 02 cây đoản trong 02 vụ trộm cắp trên: Nguyễn Văn L đã làm rớt 01 cây và vứt bỏ 01 cây trên đường đi, không nhớ địa điểm nên Cơ quan điều tra không thể thu hồi được. Riêng 01 cây đoản (loại chữ T) bằng kim loại dùng để bẻ ổ khóa xe mô tô Cơ quan điều tra thu hồi là do bị cáo L đem theo khi bị bắt, là phương tiện bị cáo chế tạo dùng để trộm xe, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại mà bị cáo L sử dụng để liên lạc đi trộm cắp xe và tiêu thụ xe là hiệu Samsung đã cũ (không nhớ đời máy và số thuê bao), khoảng 01 thời gian sau khi trộm thì bị rớt mất trong 01 lần đi chơi nên Cơ quan điều tra không thể thu hồi được là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đối với người thanh niên tên Lâm đã mua 02 chiếc xe Sirius: bị cáo L khai nhận có quen biết từ khoảng 03 năm trước nhưng không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng có liên lạc nhau qua điện thoại nhưng do Lâm chủ

động gọi và kêu bị cáo L dừng lưu số, do đó Cơ quan điều tra chưa thể xác minh và xử lý là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Tùng N và Nguyễn Đức T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2019.

Xử phạt bị cáo **Lưu Tùng N** 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lưu Tùng N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Lưu Tùng N và bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lưu Tùng N và bị cáo Nguyễn Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, số khung RRKWCHOUM5X, số máy VTTJL1P52FMHW007098, không biển số.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây đoản (loại chữ T) bằng kim loại dùng để bẻ ổ khóa xe mô tô.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công).

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Tùng N và Nguyễn Đức T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy